TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI Bản án số: **105**/2019/HNGĐ-ST Ngày 29 – 11 – 2019 V/v Ly hôn	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Lâm, ông Trịnh Ngọc Thành.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Thượng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân*** *huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Liên là Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 450/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019, về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 55/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01/11/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị D, sinh năm 19...;

Bị đơn: Ông Trịnh Quốc T, sinh năm 19...;

Các đương sự cùng nơi cư trú tại đội 9, ấp 3, xã Phú Điền, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đơn khởi kiện ngày 23 tháng 9 năm 2019 và ý kiến trình bày của nguyên đơn là bà Lê Thị D trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án như sau*:

Nguyên đơn và ông Trịnh Quốc T tự nguyện kết hôn, có giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/5/1996 của Uỷ ban nhân dân xã Phú Điền, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Sau khi kết hôn vợ chồng có đời sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó có mâu thuẫn vợ chồng nên có lúc không được hạnh phúc. Nguyên nhân là do ông T thường uống rượu tạo ra mâu thuẫn vợ chồng, có khi ông đập phá tài sản của vợ chồng, gia đình nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông không thay đổi các hành vi này. Năm 2003 ông còn đưa 01 người phụ nữ về nhà vợ chồng để quan hệ bất chính được mẹ chồng biết và đuổi ra khỏi nhà, đến năm 2006 bị đơn đánh vợ phải nhập viện để cứu chữa thương tích tại Bệnh viện huyện Tân Phú và Bệnh viện Thống Nhất tỉnh Đồng Nai.

Đến nay vợ chồng chỉ có 01 người con là Trịnh Lê Bảo G, sinh năm 1998 (đã đủ 18 tuổi là người phát triển bình thường) và về tài sản chung của vợ chồng không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề này.

Vì vợ chồng các đương sự không còn tình nghĩa, nguyên đơn yêu cầu được ly hôn.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/9/2019 và ý kiến trình bày của bị đơn là ông Trần Quốc T trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án như sau:*

Ý kiến trình bày của nguyên đơn về hôn nhân, con, nợ chung, tài sản chung của vợ chồng là đúng sự thật.

Trong quan hệ vợ chồng có lúc phát sinh mâu thuẫn do bị đơn có khi uống rượu tinh thần không ổn định đã có những lời nói không đúng đối với nguyên đơn, vợ chồng còn có mâu thuẫn về kinh tế gi đình do thu nhập của bị đơn không bằng nguyên đơn. Vợ chồng nhiều lần sống ly thân với nhau, đã khởi kiện tại Tòa án yêu cầu ly hôn cũng nhiều lần. Nay nguyên đơn yêu cầu được ly hôn thì bị đơn không đồng ý vì còn yêu thương vợ con.

** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn tuân thủ đúng quy định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân thủ quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Cuộc sống vợ chồng giữa bà Du ông T không còn hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu ly hôn của bà Du đối với ông T là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ: Các Điều 51, Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D được ly hôn với ông Trịnh Quốc T. Về con chung đã trưởng thành, về tài sản chung, tài sản riêng, trách nhiệm thanh toán nợ: Không yêu cầu giải quyết.

Bà Lê Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn Trịnh Quốc T có nơi cư trú tại ấp 3, xã Phú Điền, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bà Lê Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông Trịnh Quốc T nên bà D là nguyên đơn, ông T là bị đơn theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn thì quan hệ pháp luật tranh chấp

phải giải quyết trong vụ án là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bà D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn; đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến, quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan hệ hôn nhân và gia đình của các đương sự được xác lập từ năm 1996, đến nay Tòa án đang giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Qua ý kiến trình bày của các đương sự thể hiện trong quan hệ vợ chồng giữa bà D và ông T xảy ra nhiều mâu thuẫn, hai người không thể tự giải quyết được các mâu thuẫn vợ chồng để xây dựng hôn nhân, gia đình hạnh phúc.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Các đương sự đã nhiều lần không còn sống chung, bà D đã gửi đơn khởi kiện ly hôn đến Tòa án nhiều lần. Tòa án đã hòa giải tranh chấp trong vụ án để nguyên đơn và bị đơn hàn gắn tình cảm tiếp tục xây dựng hôn nhân bền vững nhưng nguyên đơn vẫn quyết định yêu cầu được ly hôn. Các chứng cứ trong vụ án là tài liệu chứng minh bà D và ông T không còn khả năng xây dựng hôn nhân tiến bộ, hạnh phúc. Các đương sự đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu trong quan hệ vợ chồng, nghĩa vụ sống chung của vợ chồng nên đời sống chung của vợ chồng không được liên tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các đương sự không có nợ chung, đối với con và tài sản chung của vợ chồng các đương sự không có tranh chấp không khởi kiện. Tòa án không thụ lý giải quyết các vấn đề này. Trường hợp có tranh chấp khác có liên quan đến trách nhiệm của bà D và ông T thì khi có đơn khởi kiện tại Tòa án sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí:

Bà Lê Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với chứng cứ vụ án, các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị D

Về hôn nhân: Bà Lê Thị D được ly hôn với ông Trịnh Quốc T;

Về tài sản chung, về con của các đương sự không có tranh chấp không có khởi kiện. Tòa án không thụ lý giải quyết các vấn đề này.

2. Bà Lê Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 008485 ngày 24/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Tân Phú;
- UBND cấp xã nêu trên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Kim Đính